TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 27-02-2020
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng***.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hữu Trọng.**

Bà **Nguyễn Thị Luận.**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Ly -** Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 42/2019/TLST- KDTM ngày 10/12/2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST – KDTM ngày 05/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-KDTM ngày 20/02/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; Trụ sở chính: X, Đường T, quận H, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T – Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tống Thị Linh N – Phó Giám đốc chi nhánh Thăng Long; Bà N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn H (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tự T**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963; HKTT và nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội. Có mặt bà N, vắng mặt ông T.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

3.2. Anh **Nguyễn Tự T**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

3.3. Anh **Nguyễn Tự T**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3.4. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996 (vắng mặt)

HKTT và nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai - Ngân hàng A trình bày:

Ngân hàng B (nay là Ngân hàng A) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số 0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014 với ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N, cụ thể: Số tiền vay và đã giải ngân: **600.000.000đồng**; mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động mua bán vật liệu xây dựng, chở thuê vật liệu xây dựng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/ 1 lần vào ngày 10 hàng tháng bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối ky của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân/ điều chỉnh cộng với biên độ của biểu lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của GPBanhk; Lãi suất tại thời điểm giải ngân vay 11,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay chuyển sang quá hạn. Trả nợ gốc cuối kỳ hạn vày 25/11/2015, trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 1841m^2 tại thôn H, xã N, huyện Chương Mỹ, Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 449786, số vào sổ cấp GCN: 00675/QSDĐ/220/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp ngày 19/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Tự T; ngày 22/11/2011, điều chỉnh chủ sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Tự T thành ông Nguyễn Tự T theo biên bản họp gia đình ông Nguyễn Tự T được UBND xã Nam Phương Tiến xác minh chứng thực ngày 21/11/2011. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/8/2012 số công chứng 016196/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC tại Văn

phòng công chứng Hồ Gươm. Phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 27/8/2013. Phụ lục số 02 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 22/9/2014. Đăng ký thế chấp ngày 17/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ. Đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót ngày 14/12/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ. Giá trị định giá tài sản bảo đảm: 1.768.000.000đ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N đã trả Ngân hàng lãi đã trả **21.104.408đồng**. Từ ngày 26/3/2015 khoản vay của ông Tác, bà N đã chuyển quá hạn.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/02/2020 là: **1.107.219.493** đồng gồm:

Nợ gốc: **600.000.000**đồng;

Nợ lãi quá hạn từ ngày 25/4/2015 đến ngày 26/02/2020: **507.219.493** đồng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Lệ phí thẩm định do Ngân hàng Atự chịu.

Bị đơn ông Nguyễn Tự T và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Xác nhận vợ chồng bà N ông Tác đã ký kết Hợp đồng tín dụng năm 2014 với Ngân hàng A như Ngân hàng trình bày là đúng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 1841m^2 tại thôn H, xã N, huyện Chương Mỹ, Hà Tây Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 449786, số vào sổ cấp GCN: 00675/QSDĐ/220/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp ngày 19/5/2004 tên Nguyễn Tự T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà N đã trả Ngân hàng số tiền lãi là 21.104.408đồng.

Vợ chồng ông Tác bà N xác nhận còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng

Nay A khởi kiện, vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và sẽ hợp tác với Ngân hàng để giải quyết khoản nợ theo quy định pháp luật, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào gốc và miễn toàn bộ phần lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Tự T, anh Nguyễn Tự T, chị Nguyễn Thị T con ông T bà N Tòa án đã triệu tập đến Tòa để trình bày nhưng vắng mặt không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/02/2020 là: **1.107.219.493** đồng gồm: Nợ gốc: **600.000.000**đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 26/3/2015 đến ngày 26/02/2020: **507.219.493** đồng**.**

Buộc bà ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 27/2/2020 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong Hợp đồng tín dụng nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Áp dụng: Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, 113 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26,điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Ngân hàng A , buộc ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả , Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2020 là: **1.107.219.493** đồng gồm: Nợ gốc: **600.000.000**đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 26/3/2015 đến ngày 26/02/2020: **507.219.493** đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp vợ chồng ông Tác bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn vợ chồng ông Tvà bà N đang cư trú tại Thôn H, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng là ngày 2014, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai vẫn cố tình vắng mặt. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[2.1]. **Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng.**

Ngân hàng A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số 0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014 với ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N.

Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng trên được các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 290,343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

Bị đơn xác nhận quá trình ký kết, giải ngân, sử dụng 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số 0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014 Ngân hàng A trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm điều khoản cam kết về thời hạn trả nợ tiền vay, số tiền phải trả nên Ngân hàng A yêu cầu vợ chồng ông T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đây là căn cứ

pháp lý buộc bên vay là vợ chồng ông Tác phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng A số tiền còn nợ Hợp đồng tín dụng số 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số 0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014

Tính đến ngày 26/02/2020 vợ chồng ông T và bà N còn nợ Ngân hàng là: **1.107.219.493**đồng (Trong đó gốc: 600.000.000đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 26/3/2015 đến ngày 26/02/2020: **507.219.493** đồng) ông Tác và bà N có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Vợ chồng ông T và bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **27/02/2020** đối với tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng tín dụng:

Để đảm bảo thực hiện khoản vay bên thế chấp vợ chồng ông **Nguyễn Tự T** và bà **Nguyễn Thị N** bên nhận thế chấp Ngân hàng A.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 1841m^2 tại thôn H, xã N, huyện Chương Mỹ, Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 449786, số vào sổ cấp GCN: 00675/QSDĐ/220/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp ngày 19/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Tự T;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/8/2012 số công chứng 016196/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm. Phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 27/8/2013. Phụ lục số 02 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 22/9/2014. Đăng ký thế chấp ngày 17/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ. Đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót ngày 14/12/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ. Giá trị định giá tài sản bảo đảm: 1.768.000.000đ

Toàn bộ Hợp đồng thế chấp đều được đăng ký giao dịch bảo đảm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Chương Mỹ. Bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N với khoản vay 600.000.000 đồng.

Vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 715,716,717, 720 BLDS 2005.

Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản thế chấp tại thời điểm xét xử, và thời điểm thế chấp không có thay đổi giữ nguyên theo đúng hợp đồng thế chấp.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm là đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 về "*Hình thức thế chấp tài sản*" . Do đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực pháp luật để thi hành. Yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp phía bị đơn không trả được các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] .**Về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí:**

Bị đơn là vợ chồng ông T và bà N phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Lệ phí thẩm định do Ngân hàng A tự chịu.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, 113 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26,điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số

0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014 tổng số tiền tính đến ngày 26/02/2020 là: **1.107.219.493**đồng gồm

Nợ gốc: 600.000.000đồng;

Nợ lãi quá hạn từ ngày 26/3/2015 đến ngày 262/02/2020: **507.219.493** đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 27/02/2020 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0224/2014/NTC/HĐTD ngày 25/11/2014, Khế ước nhận nợ số 0224/2014/NC/KU01 ngày 25/11/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Tác không trả xong khoản nợ trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

Trong trường hợp vợ chồng ông Tác và bà N không trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 1841m^2 tại thôn H, xã N, huyện Chương Mỹ, Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 449786, số vào sổ cấp GCN: 00675/QSDĐ/220/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp ngày 19/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Tự T (ngày 22/11/2011, điều chỉnh chủ sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Tự T thành ông Nguyễn Tự T) . Tài sản thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/8/2012 số công chứng 016196/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm. Phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 27/8/2013. Phụ lục số 02 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 22/9/2014. Đăng ký thế chấp ngày 17/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ. Đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót ngày 14/12/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ

3. Án phí: ông Nguyễn Tự T, bà Nguyễn Thị N phải nộp **45.216.493 đồng** án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004398 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Tự T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ.
- Chi Cục THA dân sự huyện. Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu VP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Vũ Thị Thu Thủy